

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Linh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai huyện Vĩnh Linh đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc kiện toàn Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Vĩnh Linh;

Căn cứ Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc phân bổ nguồn kinh phí từ Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Trị được giữ lại trên địa bàn huyện Vĩnh Linh;

Xét đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 707/TTr-NN ngày 06/12/2023 về việc ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai huyện Vĩnh Linh đến năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Phòng, chống thiên tai huyện Vĩnh Linh đến năm 2025 để các đơn vị thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ứng phó thiên tai theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể và tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPTT BCH PCTT&TKCN tỉnh (b/c);
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TT UBMT TQVN huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NN.

Thái Văn Thành

KẾ HOẠCH

Phòng, chống thiên tai huyện Vĩnh Linh đến năm 2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của UBND huyện Vĩnh Linh)*

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH:

- Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/06/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;
- Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về phòng chống thiên tai;
- Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/07/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;
- Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;
- Căn cứ Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 6/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội;
- Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/06/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương;
- Căn cứ Công văn số 5126/BNN-PCTT ngày 13/08/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai Thông tư hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương;
- Căn cứ Quyết định 3908/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025;
- Căn cứ Quyết định 763/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành kế hoạch thực hiện “Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Căn cứ Quyết định số 2476/QĐ-BCH ngày 23/9/2022 của BCH PCTT&TKCN tỉnh về ban hành quy chế hoạt động của BCH PCTT&TKCN tỉnh Quảng Trị;

- Căn cứ Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Vĩnh Linh về phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 huyện Vĩnh Linh;

- Căn cứ Quyết định 484/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện Vĩnh Linh.

- Và các văn bản có liên quan khác.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, MỤC TIÊU:

1. Mục đích:

Xây dựng và ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai huyện Vĩnh Linh đến năm 2025 phù hợp với thực tiễn địa phương và các hướng dẫn, quy định của pháp luật; điều chỉnh một số nội dung để phù hợp với thực tiễn trong Kế hoạch phòng, chống thiên tai huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025; lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KTXH giai đoạn 2021 - 2025 của huyện nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho tính mạng người dân, giảm nhẹ thiệt hại về cơ sở vật chất, nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân, hạn chế ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái.

2. Yêu cầu:

- Phù hợp với kế hoạch phòng, chống thiên tai của cấp tỉnh; chủ trương của Hội đồng nhân dân huyện; tình hình thực tế và nguồn lực của huyện.

- UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị, các ngành trên địa bàn huyện thực hiện nghiêm túc phương châm “bốn tại chỗ” (*chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ*) và “ba sẵn sàng” (*chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả*).

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng, tránh ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư, nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của toàn dân trên địa bàn.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu chung:

Nâng cao năng lực, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người, tài sản của nhân dân và nhà nước; tạo điều kiện phát triển bền vững, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và từng bước xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai; góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của địa phương.

3.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phấn đấu 100% chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức và trên 90% hộ gia đình được tiếp nhận đầy đủ thông tin về thiên tai; 100% lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai được đào tạo, tập huấn, phổ biến kỹ năng về phòng, chống thiên tai; 100% số hộ dân thuộc khu vực đông dân cư thường xuyên xảy ra thiên tai có nơi trú ẩn đảm bảo an toàn khi có thiên tai xảy ra.

- Cơ bản các công trình phòng, chống thiên tai trọng điểm được đầu tư nâng cấp hoàn thiện thích ứng với các tác động mới của thiên tai.

- Công tác dự báo, cảnh báo, phòng, chống thiên tai được chủ động, phân đầu 50% các khu vực thường xuyên bị lũ lụt, ngập sâu và sạt lở đất được lắp đặt các thiết bị cảnh báo.

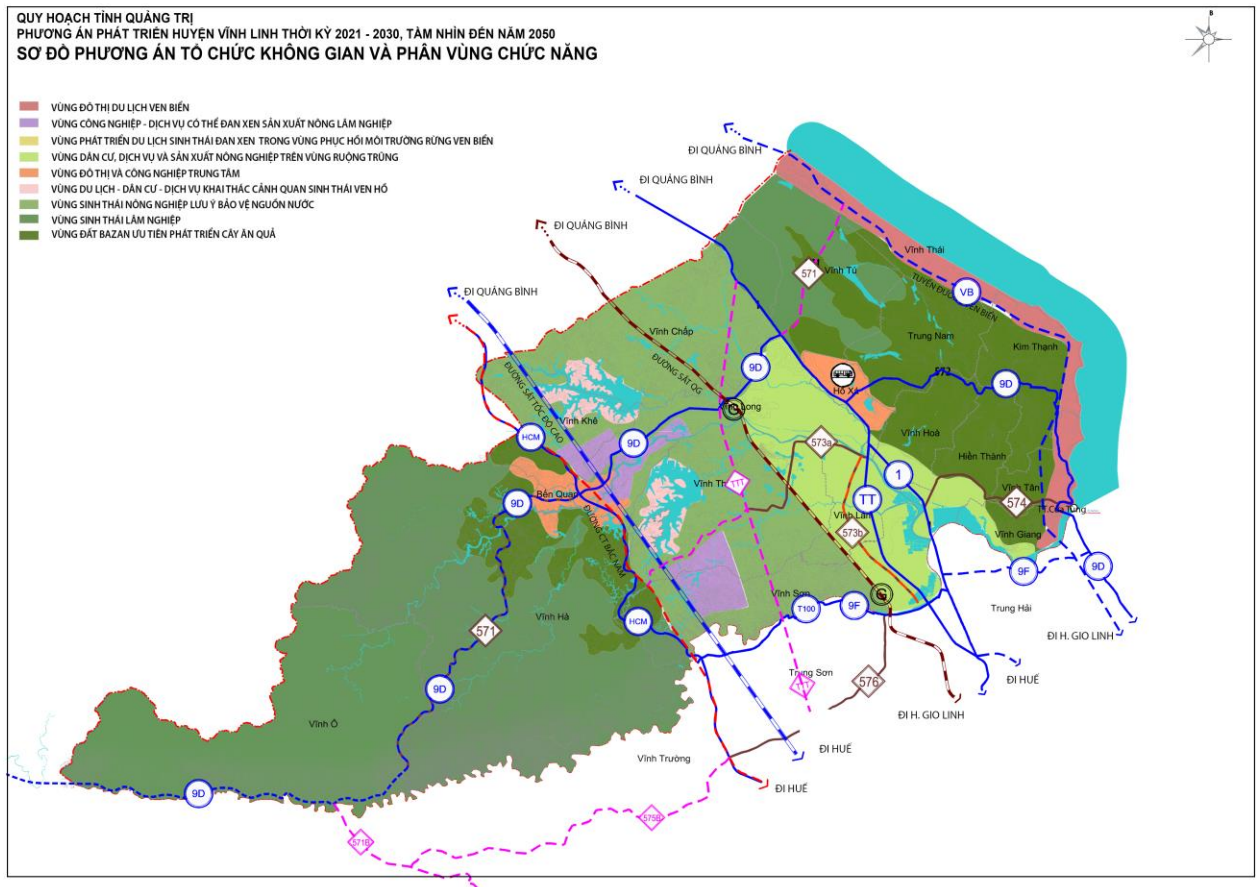
III. ĐẶC ĐIỂM VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG

1. Đặc điểm về tự nhiên:

1.1. Vị trí địa lý

Huyện Vĩnh Linh nằm ở phía Bắc tỉnh Quảng Trị có vị trí địa lý từ 16095' đến 17010' vĩ độ Bắc và từ 106041' đến 107007' độ kinh Đông, có ranh giới: Phía Bắc giáp huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình; Phía Nam giáp huyện Gio Linh; Phía Đông giáp biển Đông; Phía Tây giáp huyện Hướng Hóa.

Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Vĩnh Linh là 61.915,81 ha với 18 đơn vị hành chính, bao gồm: 03 thị trấn (Hồ Xá, Bến Quan, Cửa Tùng) và 15 xã (Trung Nam, Vĩnh Tú, Vĩnh Thái, Hiền Thành, Vĩnh Hòa, Vĩnh Giang, Kim Thạch, Vĩnh Long, Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy, Vĩnh Cháp, Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà).



1.2. Địa hình, địa chất

Địa hình của huyện Vĩnh Linh khá phức tạp bị chia cắt bởi nhiều sông, suối và đồi núi; nằm ở sườn Đông của dãy Trường Sơn, hướng thấp dần từ Tây sang Đông. Toàn huyện có thể phân chia thành bốn dạng địa hình chính:

- Địa hình vùng rừng núi cao: Phân bố ở phía Tây của huyện.
- Địa hình vùng gò đồi: Là phần tiếp giáp địa hình núi cao từ Bắc vào Nam.
- Địa hình vùng đồng bằng: Là vùng đồng bằng hẹp nằm giữa vùng đồi và vùng cát ven biển.
- Địa hình vùng cát ven biển: Phân bố ở phía Đông của huyện, chiều dài 19,6km.

1.3. Khí hậu, thủy văn

1.3.1. Khí hậu:

Vĩnh Linh nằm ở phía nam của Bắc Trung Bộ, trọn vẹn trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa, là vùng chuyển tiếp giữa hai 2 miền khí hậu. Vì vậy, điều kiện khí hậu ở Vĩnh Linh khá khắc nghiệt, chịu ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng, thường có bão và mưa lớn, biến động khí hậu mạnh. Đặc trưng khí hậu khắc nghiệt ở Vĩnh Linh là gió Tây Nam khô nóng và mưa, bão lớn. Hàng năm trên địa bàn chịu từ 40 - 60 ngày khô nóng và nhiều cơn bão gây gió xoáy giạt kèm theo mưa lớn.

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình 25,5⁰C, nhiệt độ cao nhất là 42,1⁰C (24/4/1980), thấp nhất là 7,7⁰C (29/12/1982). Độ ẩm trung bình 84%. Lượng bốc hơi trung bình là 1.290mm. Lượng bức xạ cao: 70 - 80 kcal/cm²/năm.

- Năng: Vĩnh Linh có số giờ nắng khá cao (trung bình là 1.700 - 1.900 giờ/năm). Các tháng có số giờ nắng cao thường vào tháng 5, 6, 7, 8, đạt trên 200 giờ.

- Gió: Vĩnh Linh chịu ảnh hưởng của hai hướng gió chính là gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc. Đặc biệt gió Tây Nam khô nóng là hiện tượng rất điển hình, được đánh giá là dữ dội nhất ở nước ta. Trung bình mỗi năm có khoảng 45 ngày. Trong các đợt gió Tây Nam khô nóng, nhiệt độ có thể lên đến trên 40⁰C.

- Chế độ mưa: Từ tháng 9 đến tháng 02 năm sau chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc kèm theo mưa lớn, thường xảy ra lũ lụt. Lượng mưa tập trung chủ yếu vào các tháng 9,10,11 (chiếm 70% lượng mưa cả năm). Lượng mưa trung bình nhiều năm của huyện khoảng 2.300-2.400mm/năm.

- Bão và lũ lụt: Nằm trong khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của bão. Mùa bão, lũ thường từ tháng 7 đến tháng 11 (tập trung các tháng 9, 10).

1.3.2. Thủy văn:

Vĩnh Linh có hệ thống sông ngòi khá lớn, mật độ trung bình 0,8-1 km/km². Do đặc điểm địa hình bề ngang hẹp, có dãy Trường Sơn núi cao ở phía Tây nên các sông có đặc điểm chung là ngắn và dốc.

Hệ thống sông ngòi chính chảy qua huyện là sông Bến Hải trải dài từ Tây sang Đông, bắt nguồn từ khu vực động Châu có độ cao 1.257 m, chiều dài 65 km, diện tích lưu vực là 809 km², sông đổ ra biển ở Cửa Tùng (Biển Đông). Một số tuyến nhánh của sông Bến Hải là sông Bến Tằm, sông Sa Lung, sông Hồ Xá.

Hệ thống suối: Phân bố dày đặc ở vùng thượng nguồn thuộc xã Vĩnh Ô. Suối phần lớn rất hẹp, độ dốc lớn và phân bậc phức tạp.

Nhìn chung, hệ thống sông suối phân bố đều khắp, tuy nhiên do điều kiện địa hình có hệ thống sông suối ngắn, dốc, lòng sông hẹp, đều bắt nguồn từ dãy Trường

Sơn chảy len lỏi qua vùng núi cao và đồi bát úp về đồng bằng và đổ ra biển với mật độ khá cao làm cho địa hình bị chia cắt mạnh, thảm phủ thực vật vùng đầu nguồn bị tàn phá nặng nề. Chính đặc điểm này là nguyên nhân gây ra những thay đổi phức tạp của dòng chảy, mùa kiệt hầu hết các khe suối ở đầu nguồn bị khô cạn, triều xâm nhập sâu vào đất liền từ 20 đến 25 km; về mùa mưa dòng chảy lũ tập trung nước gần 90% diện tích lưu vực dồn về vùng đồng bằng nhỏ hẹp.

Các đặc điểm trên quyết định tới cường suất lũ trên các lưu vực sông; Thời gian truyền lũ và gây ngập lụt ở đồng bằng nhanh, thời gian lũ kéo dài; hình thái lũ quét thường xảy ra vùng núi, vùng gò đồi.

2. Về dân sinh, kinh tế - xã hội

2.1. Dân sinh

Dân số trung bình năm 2022 là 88.474 người, khu vực thành thị 25.846 người, chiếm 29,2%; nông thôn 62.628 người, chiếm 70,8%. Mật độ bình quân 143 người/km², tốc độ phát triển dân số tự nhiên ở mức 0,59%.

Dân tộc thiểu số Bru Vân Kiều tập trung ở địa bàn các xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà. Tỷ lệ hộ nghèo điều tra cuối năm 2022 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 còn 2,98% với 813 hộ.

Số hộ nằm trong vùng có nguy cơ cao ảnh hưởng bởi thiên tai cần phải di dời là 60 hộ tập trung ở địa bàn xã Vĩnh Ô.

Đặc điểm nhà ở theo phân loại kiên cố, bán kiên cố, thiếu kiên cố, đơn sơ: *Theo phụ lục đính kèm.*

- 142/149 thôn, bản, khu phố được công nhận văn hóa; 113/113 cơ quan, đơn vị được công nhận văn hóa; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,7%; tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 10,8%; 100% các xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục các bậc học, số trường đạt chuẩn quốc gia có 42 trường, trong đó có 7 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,88% (số liệu điều tra năm 2022).

2.2. Kinh tế - xã hội

Tốc độ tăng trưởng tính theo giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2015-2020 là 15,3%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; giảm dần tỷ trọng ngành nông-lâm nghiệp và thủy sản trong tổng giá trị sản xuất; Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 55,3 triệu đồng/người/năm. Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp có bước tăng trưởng tốt, cơ cấu cây trồng chuyển biến theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, ngắn ngày thích ứng với biến đổi khí hậu và nhu cầu thị trường tiêu thụ, giá trị canh tác trên đơn vị diện tích tăng; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục nâng cao tỷ trọng ngành trong cơ cấu kinh tế; Thương mại dịch vụ tiếp tục được phát triển, đã khai thác được lợi thế tiềm năng về giao thương trên địa bàn.

Các chế độ, chính sách an sinh xã hội được thực hiện đồng bộ đảm bảo đúng, đủ, kịp thời. Hạ tầng giáo dục từng bước hoàn thiện đáp ứng nhu cầu dạy, học; Hệ thống khám chữa bệnh từ huyện đến cơ sở đảm bảo vật chất, trang thiết bị, chất lượng đội ngũ cán bộ, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

3. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

- Giao thông vận tải: Hệ thống giao thông của huyện chủ yếu là đường bộ, có tổng chiều dài các tuyến 309,99km, trong đó: 36,27 km đường nội thị và 273,72km đường huyện. Đến nay, các tuyến đường huyện kết nối đến các trung tâm hành chính UBND các xã, thị trấn, các vùng sản xuất trọng tâm, trọng điểm đảm bảo giao thông đi lại thuận tiện.

- Bru chính viễn thông phát triển, hệ thống cấp điện, nước dùng cho sinh hoạt và sản xuất được đảm bảo. Các dịch vụ vận tải, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục ... đang phát triển nhanh chóng.

- Giáo dục: Đầu năm học 2021-2022, toàn huyện có 56 trường học (Mầm non: 23 (trong đó có 01 trường tư thục); Tiểu học: 14; Tiểu học và THCS: 05; THCS: 09; THCS&THPT: 02; THPT: 02) và 01 Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề trên địa bàn.

- Y tế: Trên địa bàn huyện có 01 Bệnh viện đa khoa khu vực, 01 Trung tâm y tế huyện, 18 trạm y tế xã, thị trấn.

- Điện: Đến nay, các công trình hệ thống điện trung thế liên xã trên địa bàn huyện đáp ứng yêu cầu sinh hoạt và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, số hộ gia đình, doanh nghiệp sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ nguồn lưới điện quốc gia đạt tỷ lệ 100%.

- Nước sạch: Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2022 đạt 99,88%, tuy nhiên tỷ lệ sử dụng nước sạch chỉ đạt 72,05% chủ yếu ở các vùng được sử dụng nước từ nhà máy nước Hồ Xá, Bến Quan; các công trình cấp nước nhỏ lẻ do địa phương quản lý chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng, nhất là khi có thiên tai xảy ra do xuống cấp và công nghệ cũ.

- Địa điểm di dời, sơ tán dân: Trên toàn huyện chỉ có 20/149 thôn/KP có nhà sinh hoạt cộng đồng đảm bảo làm nơi tránh trú an toàn khi có thiên tai xảy ra.

- Thủy lợi: Huyện Vĩnh Linh có 04 hệ thống công trình thủy lợi lớn và 84 công trình thủy lợi nhỏ, rất nhỏ.

+ Hệ thống công trình thủy lợi lớn gồm công trình hồ chứa La Ngà với sức chứa 34,6 triệu m³, Bàu Nhum 6,8 triệu m³, Bào Đài 25,5 triệu m³ và đập dâng Sa Lung. Các hệ thống này đều do Công ty TNHH MTV Quản lý, khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị quản lý.

+ Các công trình thủy lợi nhỏ, rất nhỏ do huyện quản lý gồm: 38 hồ chứa (26 hồ có trong danh mục Quyết định 2118/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh; 12 hồ rất nhỏ), 46 đập dâng, 03 trạm bơm, 03 cống, 03 tuyến đê, 04 tuyến kè. Hệ thống kênh nội đồng dài gần 668km đã kiên cố hoá 157km. Các hồ đập và công trình này được phân cấp cho UBND các xã, hợp tác xã quản lý, sử dụng. Đặc điểm các công trình này là đã được đầu tư xây dựng từ rất lâu, đa số làm bằng đất và xuống cấp nghiêm trọng, gây mất an toàn hồ chứa.

+ Đánh giá công tác quản lý, khai thác: UBND huyện đã có Quyết định số 2083/QĐ/UBND ngày 01/8/2022 giao cho UBND các xã, thị trấn có công trình thủy lợi quản lý nhà nước trên địa bàn. Một số đơn vị đã có cán bộ được tập huấn, đào tạo

về quản lý, khai thác công trình thủy lợi, tuy nhiên chưa được cấp chứng chỉ theo quy định.

- Hệ thống đê điều trên địa bàn huyện có chiều dài 24,558 km, cụ thể các tuyến như sau:

+ Đê biển: Đê Vĩnh Thái dài 11,058 km, thuộc phạm vi xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh.

+ Đê cửa sông: Đê tả Bến Hải dài 13,18 km thuộc phạm vi các xã Vĩnh Giang, Hiền Thành, Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh.

+ Đê bao: Đê Bến Tám - Huỳnh Thượng dài 0,32km thuộc địa phận xã Vĩnh Lâm, huyện Vĩnh Linh.

Số liệu các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện theo phụ lục đính kèm.

IV. TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN

Là huyện có đặc điểm về khí hậu và địa hình rất phức tạp, thường chịu các loại hình thiên tai với tần suất và mức độ lớn. Trong đó, nhiều nhất là bão, lũ lụt, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lốc xoáy, dông sét, sạt lở đất và các loại hình thiên tai khác ... Giai đoạn từ năm 2012 - 2022, thiên tai diễn biến rất phức tạp, khó lường, bão, lũ và các loại hình thiên tai khác ngày càng mạnh hơn về cường độ và tần suất xuất hiện, gây thiệt hại rất lớn đến tài sản của nhân dân và nhà nước; Theo số liệu thống kê, tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn huyện từ năm 2012 - 2022: Về người: Chết: 08 người; Bị thương: 60 người; Về tài sản: Khoảng trên 2.781 tỷ đồng. Đặc biệt, chỉ riêng trong năm 2020, thiên tai đã gây ra những hậu quả hết sức nặng nề, làm 02 người chết, 05 người bị thương, thiệt hại về tài sản khoảng 404 tỷ đồng.

1. Các loại hình thiên tai hay xảy ra:

1.1. Về bão, áp thấp nhiệt đới

Số liệu thống kê các cơn bão, ATNĐ gây ảnh hưởng trên địa bàn huyện từ năm 2012-2022: *Theo Phụ lục đính kèm.*

Đánh giá mức độ ảnh hưởng và tình trạng dễ bị tổn thương do bão: Bão và áp thấp nhiệt đới thường xuất hiện vào mùa mưa từ tháng 8 - 11. Trung bình mỗi năm chịu tác động trực tiếp của 01 - 02 cơn bão. Các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng do bão, ATNĐ: Toàn huyện

1.2. Về lũ lụt

Số liệu thống kê các đợt lũ, lụt xảy ra trên địa bàn huyện từ năm 2012-2022: *Theo Phụ lục đính kèm.*

Đánh giá mức độ ảnh hưởng và tình trạng dễ bị tổn thương do lũ lụt: Lũ lụt xảy ra trên phạm vi rộng, bình quân mỗi năm xảy ra 01 - 03 đợt lũ. Các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng do lũ lụt: Các xã Vĩnh Lâm, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thủy, Hiền Thành, Vĩnh Long, Vĩnh Chấp.

2. Các loại hình thiên tai khác

- Hạn hán: Từ tháng 4 đến tháng 7, huyện Vĩnh Linh thường chịu ảnh hưởng lớn của gió Tây Nam khô nóng, những năm hạn nặng hầu hết các hồ chứa đều thiếu nước để phục vụ nước tưới sản xuất trầm trọng, có một số hồ chứa vừa và nhỏ bị cạn kiệt và không cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. Toàn huyện có rủi ro hạn hán rất cao, vì vậy không nên tăng thêm diện tích trồng lúa, mà nên chuyển đổi trồng các loại cây trồng cạn khác. Cần áp dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước.

- Xâm nhập mặn: Theo kết quả quan trắc của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường) trong tháng 6/2016 trên sông Bến Hải, xâm nhập mặn đã đến khu vực ruộng Hồ Xá, độ mặn tại đây dao động từ 0,09 - 0,31(g/l).

3. Thống kê thiệt hại do thiên tai gây ra từ năm 2012 đến năm 2022:

Từ năm 2012 đến năm 2022 trên địa bàn huyện đã có 08 người chết; 60 người bị thương; thiệt hại về tài sản trên 2.781 tỷ đồng.

Theo Phụ lục đính kèm.

V. HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN các cấp và quy chế phối hợp

Hệ thống Ban chỉ huy PCTT và TKCN được thành lập và hoạt động xuyên suốt từ cấp huyện đến cấp xã. Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành lập Ban chỉ huy PCTT và TKCN của cơ quan, đơn vị mình.

Đối với cấp huyện: cơ cấu Ban Chỉ huy PCTT và TKCN gồm: Chủ tịch UBND huyện Trưởng ban; 01 Phó chủ tịch UBND huyện làm Phó Trưởng ban thường trực; Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT làm Phó trưởng ban phụ trách công tác PCTT; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện và Trưởng Công an huyện làm Phó trưởng ban phụ trách công tác TKCN; các thành viên Ban Chỉ huy là lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, đơn vị có liên quan.

Phòng Nông nghiệp và PTNT đảm nhận vai trò Văn phòng thường trực phòng chống thiên tai của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện, sử dụng bộ máy của phòng để giúp việc cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện, là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm trong công tác phối hợp với các cơ quan, ban ngành, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND huyện trong việc triển khai các biện pháp phòng chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Đối với cấp xã: Chủ tịch UBND xã, thị trấn làm Trưởng ban; Phó chủ tịch UBND làm Phó Trưởng ban thường trực; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã và Trưởng Công an xã làm Phó trưởng ban; các thành viên Ban Chỉ huy là lãnh đạo các cơ quan, ban ngành, trưởng các thôn bản, khu phố, các đơn vị có liên quan.

2. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ PCTT

Số vật tư, phương tiện, trang thiết bị hiện có trên địa bàn huyện Vĩnh Linh phục vụ cho công tác PCTT và TKCN bao gồm: nhà bạt; phao cứu sinh các loại; xuồng, ca nô; máy phát điện; loa phóng thanh cầm tay; ... Ngoài ra, huy động thêm xe tải, xe cứu thương, máy xúc, máy đào ... từ các địa phương, đơn vị và các doanh nghiệp trên địa bàn sẵn sàng tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn.

3. Thông tin, truyền thông trong PCTT

- Truyền tin về công tác chỉ đạo, chỉ huy: UBND các cấp và Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, các phòng ban liên quan và các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp có trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền về nội dung văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai đến cộng đồng và người dân. Phương thức truyền phát văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thông qua: Văn bản điện tử, fax, email, hệ thống truyền hình, phát thanh, truyền đạt trực tiếp và các hình thức khác.

- Thông tin về PCTT được đăng tải, cập nhật lên Trang thông tin điện tử của UBND huyện, trang fanface Phòng chống thiên tai huyện Vĩnh Linh, các trang zalo: Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Vĩnh Linh; Thủy lợi và PCTT Vĩnh Linh; Ban Chỉ đạo các tình trạng khẩn cấp,...

4. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong PCTT

- Với đặc điểm rất khác nhau nên nhận thức của cộng đồng về thiên tai trên địa bàn huyện cũng rất khác nhau. Về cơ bản, chỉ mới triển khai công tác nâng cao năng lực đến đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách được giao nhiệm vụ theo dõi, quản lý công tác PCTT và TKCN của cấp huyện. Đối với cấp xã và cộng đồng dân cư chưa được triển khai một cách toàn diện, bài bản.

- Có thể nhận định rằng hầu hết nhận thức cộng đồng về thiên tai đều có đặc điểm chung là mang tính phán đoán, cảm nhận, hiểu biết một cách chung chung thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và chủ yếu là nhận biết để phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt hàng ngày. Hoàn toàn chưa thể hiểu biết sâu sắc về bản chất hiện tượng, chưa thể nhận biết được những thiên tai đang tiềm ẩn tại nơi, khu vực mà mình sinh sống cũng như mức độ nguy hiểm của mỗi loại hình thiên tai, các phương thức phòng chống có khoa học, tiết kiệm, dễ làm và hiệu quả. Đồng thời, họ cũng chưa nhận thức được vị trí, vai trò, sự đóng góp của mỗi cá nhân, cả cộng đồng trong nhiệm vụ PCTT và TKCN, nhất là trong điều kiện BĐKH hiện nay.

5. Lực lượng cứu hộ, cứu nạn

- Các đơn vị lực lượng vũ trang của huyện: Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện, Đồn Biên phòng Cửa Tùng là lực lượng nòng cốt trong công tác PCTT; chủ lực trong công tác phòng chống, ứng phó, sơ tán, giúp dân chằng chống nhà cửa, cứu hộ, cứu nạn và khắc phục bước đầu sau thiên tai, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. Các đơn vị tập trung lực lượng, phương tiện sẵn sàng khi có lệnh, chủ động ứng cứu trên từng địa bàn, nhất là các khu vực xung yếu, địa bàn trọng điểm do ảnh hưởng của thiên tai. Là một lực lượng có chuyên môn, kiến thức; nếu được trang bị về phương tiện, điều kiện làm việc đầy đủ, sẽ góp phần đáng kể giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

- Lực lượng xung kích PCTT trên địa bàn: Ở cấp xã đã thành lập Đội xung kích PCTT với lực lượng nòng cốt là dân quân tự vệ. Các đội xung kích PCTT cấp xã được củng cố, kiện toàn theo Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT. Thành phần của Đội bao gồm Dân quân tự vệ, Công an xã, Hội Chữ thập đỏ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ, Công chức địa chính - xây dựng, Công chức văn phòng - thống kê, Công chức văn hóa - xã hội, Y tế cấp xã và cán bộ thôn hoặc tổ dân phố. Đội xung kích PCTT cấp xã là lực lượng

thường trực, thực hiện các nhiệm vụ PCTT và TKCN theo sự phân công của Trưởng ban Ban Chỉ huy cấp xã.

V. NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Công tác PCTT được triển khai đồng bộ theo 03 giai đoạn “Trước thiên tai, trong thiên tai và sau thiên tai” trên cơ sở thực hiện có hiệu quả phương châm phương châm “**bốn tại chỗ**” (*chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ*) và “**ba sẵn sàng**” (*chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả*).

1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu (trước thiên tai):

1.1. Biện pháp công trình:

Xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai theo phân cấp; xử lý các trọng điểm, xung yếu có nguy cơ bị ảnh hưởng, gây nguy hại cho người dân khi thiên tai xảy ra như: nâng cấp, sửa chữa các hồ đập chứa nước bị xuống cấp; kè chống sạt lở bờ sông; nhà cộng đồng kết hợp tránh trú khi có bão lụt xảy ra; nâng cấp hệ thống đường giao thông; đầu tư hệ thống tiêu thoát nước đảm bảo thoát lũ, nhất là các khu dân cư tập trung; kiên cố và cao tầng hóa các công trình công cộng làm nơi tránh lũ, lụt cho nhân dân; kiên cố hóa các nhà tạm bợ; xây dựng bổ sung các mốc, tháp cảnh báo lũ; xây dựng, nâng cấp hệ thống cung cấp nước sạch sinh hoạt đảm bảo bền vững và hoạt động tốt trong điều kiện mưa, lũ; giảm giếng đào và tăng cường giếng khoan ở các thôn, bản.

Biện pháp công trình được đề xuất theo phụ lục đính kèm.

1.2. Biện pháp phi công trình:

- Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng là một trong những giải pháp tích cực phòng tránh giảm nhẹ thiên tai.

- Củng cố bộ máy điều hành PCTT và TKCN các cấp: Rà soát, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, các ngành; Củng cố đội ngũ làm công tác PCTT và TKCN các cấp, các ngành có kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai; Thành lập các tổ, đội xung kích PCTT và TKCN các cấp, các ngành để chủ động triển khai hoạt động phòng ngừa, ứng phó. Chú ý xây dựng tổ, đội thanh niên xung kích của các doanh nghiệp.

- Tập huấn về kỹ năng điều khiển phương tiện TKCN, sử dụng trang thiết bị, sơ cấp cứu để nâng cao năng lực TKCN.

- Nâng cao năng lực PCTT và TKCN của lực lượng vũ trang: Huấn luyện, diễn tập về ứng phó biến đổi khí hậu, PCTT. Bồi dưỡng kiến thức nâng cao trình độ cho cán bộ trực tiếp làm công tác PCTT và TKCN; Bồi dưỡng kỹ năng sử dụng các loại phương tiện TKCN; Bảo dưỡng vật tư thiết bị, vận hành phương tiện để chủ động ứng phó bão lũ; lập kế hoạch trang bị, bổ sung phương tiện, vật tư thiết bị. Tranh thủ sự chỉ đạo và hỗ trợ về nguồn lực của các cấp chính quyền và các ngành để tăng cường năng lực, nâng cao hiệu quả công tác PCTT và TKCN.

- Bảo đảm thông tin liên lạc cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, các ngành: Bưu điện huyện, Viễn thông huyện bảo đảm thông tin liên lạc trong toàn huyện phục vụ công tác chỉ huy, điều hành phòng ngừa, ứng phó thiên tai.

- UBND các xã, thị trấn xây dựng phương án di dời, sơ tán dân đến nơi an toàn (cụ thể đến từng hộ dân).

- Mở rộng hệ thống đo mưa nhân dân, cảnh báo sớm ngập lụt cộng đồng.

- Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ.

- Dự phòng giống cây trồng vật nuôi sau mưa bão.

Biện pháp phi công trình được đề xuất theo phụ lục đính kèm.

2. Giai đoạn ứng phó (trong thiên tai)

2.1. Về công tác di dời dân:

Căn cứ vào diễn biến của lũ, bão, với nguồn lực của địa phương, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện: Kịp thời huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ di dời dân ở vùng nguy hiểm đến nơi tránh, trú an toàn. Trường hợp vượt quá khả năng của địa phương thì báo cáo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện hỗ trợ; Tổ chức cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch cho người dân, nhất là nơi sơ tán; Huy động đội ngũ y, bác sỹ tại chỗ, phương tiện, thuốc men để sơ cấp cứu, chữa bệnh cho người dân nơi sơ tán; Tổ chức các đoàn, đội tình nguyện hỗ trợ dân sinh, phòng chống dịch bệnh.

2.2. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc khẩn cấp:

Các phương tiện thông tin, truyền thông tăng cường đưa tin về thiên tai cho chính quyền các cấp và nhân dân biết để chủ động phòng tránh, ứng phó; Ưu tiên xử lý sự cố thông tin và duy trì thông tin liên lạc bằng tất cả các hệ thống tại UBND các xã, thị trấn, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện, Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện, các phòng, ban, ngành liên quan. Phối hợp sử dụng hệ thống thông tin nội bộ.

2.3. Triển khai công tác đảm bảo y tế:

Bố trí các đội y tế lưu động tại các xã, thị trấn để chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các địa điểm thường xuyên ngập lụt cần bố trí các đội y tế. Phòng Y tế, Trung tâm y tế huyện phải đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh, cấp cứu, điều trị bệnh nhân trong và sau bão, lụt. Các đội cấp cứu lưu động phải có y, bác sỹ, thuốc, trang thiết bị và phương tiện cần thiết để cấp cứu, điều trị bệnh nhân nơi sơ tán. Trung tâm y tế huyện phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra cung cấp nước sạch, chống dịch bệnh bùng phát. UBND các xã, thị trấn, trạm y tế kiểm tra tình hình sức khỏe dân cư ngập lũ.

2.4. Cung cấp nước sạch cho dân cư:

Thực hiện phương án bảo vệ an toàn cho công trình cấp nước, các giếng khoan khai thác nước ngầm. Kiểm tra, bảo vệ an toàn tuyến ống dẫn nước và thiết bị đến tận nhà dân.

2.5. Phương án ứng phó với thiên tai:

Xây dựng Phương án ứng phó với các loại hình thiên tai thường xảy ra: bão, lũ lụt và hạn hán. Phương án ứng phó phải có các nội dung:

2.5.1. Tóm tắt nội dung Phương án ứng phó bão, lũ lụt:

- Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn; đặc biệt

đối với người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật.

- Chàng chống nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng.

- Chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất.

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình PCTT; công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng.

- Hướng dẫn người, phương tiện không đi vào vùng nguy hiểm trên sông, nơi bị ngập sâu, nơi có nguy cơ sạt lở đất, lũ quét.

- Đảm bảo giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy PCTT.

- Tìm kiếm cứu nạn, sơ cấp cứu người bị nạn, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm tại nơi bị chia cắt, ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán.

- Huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm ứng phó với thiên tai.

- Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội khu vực xảy ra thiên tai.

- Đảm bảo các yêu cầu về phòng, chống dịch bệnh khi xảy ra thiên tai.

2.5.2. Tóm tắt nội dung phương án ứng phó hạn hán:

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và diễn biến của hạn hán. Sử dụng các giống ngắn ngày, bố trí nhóm giống cùng thời gian sinh trưởng để thuận tiện cung cấp nước tưới, sử dụng nước hiệu quả.

- Củng cố các tổ, đội thủy nông để quản lý, điều tiết tưới nội đồng. Vận hành hợp lý các hồ chứa nước, công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm, chống thất thoát nước. Ưu tiên cung cấp điện và nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình nguồn nước; chuẩn bị nhân lực, phương tiện, vật tư, sử dụng nguồn cấp bù thủy lợi phí, ngân sách dự phòng để thực hiện các giải pháp phòng chống hạn hán.

- Tăng cường truyền thông về tình hình khô hạn để nhân dân biết, chủ động phòng, chống hạn.

3. Tổ chức khắc phục hậu quả (sau thiên tai).

3.1. Triển khai công tác TKCN, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác:

- Sau các đợt thiên tai, UBND các xã, thị trấn kịp thời tổ chức thăm hỏi, động viên và hỗ trợ đối với các gia đình có người chết, người bị thương, bị thiệt hại nặng về tài sản do thiên tai gây ra; phân phát gạo cứu trợ, nhu yếu phẩm, hàng hóa cho nhân dân bị thiệt hại, không để người dân bị đói, bị rét.

- Ban Chỉ huy Quân sự huyện chủ trì phối hợp UBND các xã, thị trấn tìm kiếm người bị nạn, sơ cấp cứu và đưa về cơ sở y tế điều trị; cùng lực lượng xung kích, dân quân tự vệ giúp nhân dân sửa chữa nhà cửa, làm nhà ở tạm, ổn định đời sống.

- Phòng Y tế, Trung tâm y tế huyện triển khai khám chữa bệnh cho

nhân dân bị ảnh hưởng thiên tai; cung cấp thuốc chữa bệnh, thuốc tiêu độc, khử trùng và hướng dẫn nhân dân làm sạch nguồn nước, vệ sinh môi trường không để dịch bệnh bùng phát.

- Phòng Nông nghiệp và PTNT đề xuất kinh phí khắc phục các công trình thủy lợi, nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Triển khai công tác tiêu độc, khử trùng chuồng trại, bảo vệ đàn gia súc, gia cầm, không để phát sinh dịch bệnh.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng chỉ đạo tu bổ những đoạn đường bị sạt lở, các cầu, cống bị hư hỏng, đảm bảo giao thông bước đầu cho người và phương tiện. Đối với đoạn đường nguy hiểm, tổ chức cắm biển cảnh báo cho người và phương tiện biết để chủ động phòng tránh.

- Điện lực Vĩnh Linh tổ chức khắc phục sự cố đường dây tải điện, trạm biến thế ngay sau lụt, bão; vận hành đảm bảo an toàn hệ thống điện phục vụ đời sống và sản xuất cho nhân dân.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp UBND các xã, thị trấn tổ chức phân phối lương thực, cứu trợ cho nhân dân.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, Hội Chữ thập đỏ huyện, Huyện đoàn, Hội Phụ nữ huyện phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức cứu trợ, phân phối hàng, tiền cho người dân bị thiệt hại, nhất là gia đình liệt sĩ, thương binh và hộ nghèo, sớm ổn định cuộc sống người dân.

3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra:

- UBND các xã, thị trấn tổ chức đánh giá, xác định thiệt hại ở đơn vị về con người, nhà cửa, về giáo dục, y tế, nông lâm nghiệp, thủy lợi, giao thông, thủy sản, thông tin liên lạc, công nghiệp, xây dựng, nước sạch, vệ sinh môi trường và các công trình khác trên địa bàn và báo cáo về Thường trực Ban Chỉ huy PCTT & TKCN huyện.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, thống kê báo cáo thiệt hại về người, nhà cửa nhân dân. Nắm rõ số người chết, người mất tích, người bị thương; số hộ và số người bị ảnh hưởng thiên tai; số nhà sập đổ, nhà bị hư hỏng, nhà bị ngập nước. Trên cơ sở đánh giá thiệt hại về người và nhà ở, đề xuất UBND huyện cứu trợ khẩn cấp cho gia đình bị thiệt hại, chú ý gia đình chính sách và hộ nghèo.

- Phòng Nông nghiệp và PTNT tổng hợp tình hình thiệt hại về nông, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản. Thống kê diện tích lúa, hoa màu bị đổ ngã; gia súc, gia cầm bị chết; lúa giống bị hư hỏng. Đánh giá thiệt hại đê kè, kênh mương, hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm; diện tích nuôi trồng thủy sản. Tham mưu cho UBND huyện lập báo cáo tổng hợp sau thiên tai và đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổng hợp tình hình thiệt hại về các tuyến đường huyện lộ, đường liên xã, các trụ sở cơ quan, trường học, bệnh viện, kho tàng, nhà máy... theo lĩnh vực quản lý ngành; tổng hợp báo cáo UBND huyện và đề xuất hỗ trợ khắc phục.

- Các chủ doanh nghiệp kiểm tra, đánh giá thiệt hại của doanh nghiệp báo cáo UBND xã, huyện và đề xuất hỗ trợ.

- Chi cục thống kê khu vực Vĩnh Linh - Cồn Cỏ đánh giá, thống kê thiệt hại về

các lĩnh vực, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cân đối nguồn ngân sách dự phòng tham mưu UBND huyện hỗ trợ khẩn cấp, cứu đói cho nhân dân; phân bổ kinh khắc phục hậu quả nhằm ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân.

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện tổng hợp thiệt hại chung của các phòng, ban, đơn vị trong huyện và đề xuất hỗ trợ.

3.3. Lập kế hoạch khôi phục, nâng cấp công trình PCTT:

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội lồng ghép kế hoạch PCTT, các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn lập kế hoạch trung hạn khôi phục, nâng cấp công trình, cơ sở hạ tầng bị thiệt hại do thiên tai thuộc quyền quản lý, trình UBND huyện hoặc tham mưu cho UBND huyện trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Phòng Nông nghiệp và PTNT lập kế hoạch nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước bị xuống cấp, đảm bảo an toàn hồ đập chứa nước; nâng cấp, tu bổ hệ thống kè chống sạt lở bờ sông nhằm bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội không để lũ lụt gây xói lở, thiệt hại. Kiên cố hóa kênh mương, nâng cấp trạm bơm đáp ứng tưới tiêu chủ động và tiết kiệm nước. Xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ kết hợp sinh hoạt cộng đồng ở những vùng thường bị ảnh hưởng bão, lũ.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng tham mưu lập kế hoạch xây dựng nhà ở an toàn, hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh lũ, bão sau thiên tai. Nâng cấp công trình cấp nước, giếng khoan khai thác nước ngầm sau thiên tai. Tổ chức thực hiện “Hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão” của Bộ Xây dựng để nhân dân chủ động phòng tránh bão.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện:

- Các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện tổ chức thực hiện công tác PCTT và TKCN theo chức năng nhiệm vụ của ngành, ngoài ra được phân công phụ trách cơ sở để giúp các xã, thị trấn trong công tác PCTT và TKCN.

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện kiểm tra việc thực hiện công tác PCTT và TKCN tại các xã, thị trấn với các nội dung: Phương án PCTT và TKCN; kế hoạch thực hiện sửa chữa các công trình; tình trạng vi phạm lấn chiếm hành lang thoát lũ; công tác chuẩn bị vật tư dự trữ, lực lượng xung kích; công tác phòng, chống hạn hán và chỉ đạo toàn bộ công tác PCTT và TKCN trên địa bàn huyện.

2. Phòng Nông nghiệp và PTNT là Văn phòng Thường trực của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện có nhiệm vụ:

- Kiểm tra đôn đốc các xã triển khai hoàn thành khối lượng tu bổ đê, đập, khối lượng nạo vét kênh tiêu, giải phóng hành lang thoát lũ; chuẩn bị vật tư dự phòng theo kế hoạch giao và xây dựng kế hoạch kinh phí phục vụ cho công tác PCTT và TKCN.

- Tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện có các phương án xử lý kịp thời sự cố công trình do thiên tai gây ra.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai và tổng hợp tình hình để báo cáo các ngành chức năng; tổ chức trực 24/24 giờ trong thời gian có dự báo thiên tai.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp phòng, chống hạn hán.

- Có kế hoạch bố trí, chuyển đổi cơ cấu cây trồng để thích ứng với lũ lụt, hạn hán; lập kế hoạch dự phòng giống cây trồng, vật nuôi, thuốc men, phân bón cung ứng cho nhân dân phục hồi những thiệt hại sau thiên tai.

3. Ban Chỉ huy Quân sự huyện: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn xây dựng các phương án bố trí, chuẩn bị lực lượng, phương tiện cần thiết để tham gia giúp đỡ nhân dân sơ tán, ứng cứu và xử lý kịp thời các tình huống khẩn cấp về lũ, bão để bảo vệ tài sản và tính mạng của nhân dân và nhà nước.

4. Công an huyện: Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành liên quan có phương án đảm bảo trật tự, an ninh, an toàn xã hội; huy động lực lượng, phương tiện phối hợp với các lực lượng khác để tham gia cứu hộ, cứu nạn giúp nhân dân hạn chế tổn thất do thiên tai gây ra.

5. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện: Tổ chức kiểm tra an toàn các công trình xây dựng để có kế hoạch gia cố, sửa chữa trước mùa mưa bão. Có kế hoạch chỉ đạo các doanh nghiệp dự trữ và cung ứng các mặt hàng thiết yếu bảo đảm ổn định đời sống cho nhân dân khi thiên tai xảy ra, đồng thời phối hợp với Điện lực Vĩnh Linh, Viễn thông Vĩnh Linh kiểm tra các đường dây, chặt tía cành cây, đảm bảo an toàn và thông tin liên lạc phục vụ công tác PCTT&TKCN.

6. Điện lực Vĩnh Linh: Kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN, xây dựng, triển khai phương án PCTT và TKCN của ngành và nhiệm vụ của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện giao. Kiểm tra sửa chữa hệ thống điện, giải phóng hành lang an toàn đường điện, tổ chức lực lượng, phương tiện để ứng cứu, sửa chữa kịp thời nhanh chóng các sự cố do thiên tai gây ra; đảm bảo duy trì dòng điện cho các trạm bơm tiêu chống úng, chống hạn có hiệu quả.

7. Bưu điện huyện, Trung tâm Viễn thông huyện: Kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN, xây dựng, triển khai phương án PCTT và TKCN của ngành và nhiệm vụ của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện giao; bảo đảm giao thông liên lạc thông suốt từ trung tâm huyện đến cơ sở và giao thông hoá tốc khi cần thiết.

8. Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện: Xây dựng, triển khai phương án PCTT và TKCN của ngành và nhiệm vụ của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện giao; phối hợp với UBND các xã, thị trấn, các trường học kiểm tra các công trình trường, lớp học để có biện pháp chằng chống, sửa chữa những hư hỏng, đảm bảo an toàn cho giáo viên và học sinh khi lên lớp.

9. Phòng Y tế huyện: Phối hợp với Trung tâm Y tế huyện hướng dẫn các xã, thị trấn chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, phương tiện và thuốc men để phòng chống dịch bệnh, làm sạch môi trường, xử lý nguồn nước sinh hoạt trước, trong và sau khi có thiên tai xảy ra.

10. Phòng Lao động - TB&XH huyện: Chủ trì, phối hợp với các lực lượng khác (UBMTTQVN huyện; Hội Chữ thập đỏ; các đoàn thể chính trị - xã hội) triển khai công tác cứu trợ cho nhân dân khi có thiên tai xảy ra.

11. Văn phòng HĐND và UBND huyện: Phối hợp với Văn phòng Thường trực BCH PCTT&TKCN huyện tổ chức trực, theo dõi và tổng hợp báo cáo tình hình diễn biến và thiệt hại do thiên tai gây ra về Lãnh đạo UBND huyện, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh và các Sở, ban, ngành liên quan của tỉnh để kịp thời chỉ đạo.

12. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện: Có kế hoạch chuẩn bị kinh phí và phối hợp chặt chẽ với bộ phận thường trực Ban Chỉ huy để đảm bảo công tác hậu cần cho PCTT và TKCN.

13. Phòng Văn hóa thông tin; Trung tâm Văn hóa thông tin và TDTT huyện và Phòng Tư pháp huyện: Tuyên truyền phổ biến Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Thủy lợi, Luật Đê điều và các văn bản liên quan; thông báo kịp thời các thông tin về thiên tai để nhân dân chủ động phòng tránh; kịp thời ghi và đưa tin những gương người tốt, việc tốt trong công tác PCTT và TKCN.

14. UBND các xã, thị trấn:

- Tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm công tác PCTT và TKCN hàng năm, kiện toàn Ban Chỉ huy, xây dựng phương án, nhiệm vụ PCTT và TKCN trước ngày 05/6 hàng năm và báo cáo kết quả triển khai, quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy về UBND huyện (qua phòng Nông nghiệp và PTNT) trước ngày 10/6 hàng năm.

- Kiểm tra, đánh giá hiện trạng các công trình kè, cống, hồ, đập, trạm bơm từ đó có kế hoạch và triển khai sửa chữa, nâng cấp. Trường hợp vượt quá khả năng của xã, thị trấn phải có báo cáo kịp thời bằng văn bản về UBND huyện.

- Giải phóng hành lang thoát lũ trên tràn các hồ đập chứa nước, kênh tiêu; xử lý kịp thời các vi phạm Luật Thủy lợi nhằm đảm bảo cho công trình an toàn trong mùa mưa lũ.

- Chuẩn bị đầy đủ vật tư dự trữ, sẵn sàng lực lượng xung kích, lực lượng cứu hộ, tìm kiếm cứu nạn.

- Các xã, thị trấn có công trình đang thi công cần khẩn trương giải phóng mặt bằng để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công hoàn thành các hạng mục xung yếu, đảm bảo an toàn trước mùa mưa lũ.

- Kiểm tra đồng ruộng, theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết để thu hoạch sản phẩm nông nghiệp kịp thời, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Thực hiện sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm khi thiên tai xảy ra, trong đó ưu tiên di dời tại chỗ từ nhà thấp, yếu đến nhà cao, kiên cố.

- Tại Ban Chỉ huy PCTT và TKCN, khi có tin bão và mưa lớn đổ bộ phải thường trực 24/24 giờ trong ngày; theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, tiếp nhận và triển khai kịp thời các Chỉ thị của cấp trên về công tác PCTT và TKCN; trong khi mưa, bão lớn, những sự cố xảy ra có nguy cơ vượt quá khả năng xử lý của xã, thị trấn phải kịp thời báo khẩn cấp về Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện.

- Kịp thời, tổng hợp báo cáo các sự cố thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn về Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện.

15. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội huyện:

Tăng cường công tác tuyên truyền phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện trong huy động nguồn lực khắc phục hậu quả thiên tai; kịp thời thăm hỏi, động viên các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

16. Các ban ngành đoàn thể khác: Theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm chỉ đạo công tác PCTT&TKCN của ngành, đơn vị mình. Ngoài ra, phải có kế hoạch, phương án sẵn sàng về lực lượng, phương tiện, trang thiết bị vật tư cần thiết để cùng phối hợp khi có lệnh điều động.

17. Cơ chế phối hợp, mối quan hệ công tác, chế độ hội họp của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện

17.1. Mối quan hệ công tác:

- Đối với Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh: Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh trong công tác PCTT và TKCN.

- Đối với UBND huyện: Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện chịu sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của UBND huyện trong lĩnh vực PCTT và TKCN.

- Đối với các cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện: Đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Huyện ủy, UBND huyện trong công tác PCTT và TKCN tại đơn vị.

17.2. Chế độ phối hợp công tác:

Thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn để kịp thời triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Trực tiếp xuống địa bàn được phân công phụ trách để tổng kiểm tra công tác chuẩn bị phòng, chống, ứng phó trước khi thiên tai xảy ra. Năm bất tình hình thiên tai phối hợp với các xã, thị trấn tổ chức khắc phục thiệt hại (nếu có). Thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện giao.

- Trong phạm vi, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ (thường xuyên, đột xuất) trong công tác PCTT và TKCN với Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện (qua Văn phòng Thường trực để tổng hợp), Văn phòng Thường trực có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện báo cáo theo quy định.

17.3. Chế độ hội họp:

Định kỳ hàng năm Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện tổ chức họp tổng kết 1 lần trước mùa mưa bão để đánh giá công tác PCTT và TKCN năm trước, triển khai phương án PCTT và TKCN trong năm. Khi có thiên tai đột xuất xảy ra ảnh hưởng trực tiếp đến địa bàn huyện thì Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện họp đột xuất để triển khai nhiệm vụ ứng phó.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan được giao nhiệm vụ phải thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Kế hoạch này.

2. Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT (Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện) căn cứ vào kế hoạch này, hàng năm tham mưu UBND huyện, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện xây dựng, phê duyệt phương án PCTT và TKCN của huyện cho phù hợp tình hình thực tiễn; chịu trách nhiệm đôn đốc, theo dõi kiểm tra việc thực hiện kế hoạch này, tổng hợp, báo cáo UBND huyện để chỉ đạo.

3. Hàng năm trong quá trình triển khai thực hiện, nếu khó khăn vướng mắc yêu cầu các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện tổng hợp báo cáo UBND huyện, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện (qua Phòng Nông nghiệp và PTNT) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch.

UBND huyện yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, ban, ngành trên địa bàn huyện triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch này./.

PHỤ LỤC 1
Đặc điểm nhà ở theo phân loại kiên cố, bán kiên cố, thiếu kiên cố, đơn sơ

| STT | Tên xã, phường, thị trấn | Tổng số nhà ở | | Phân loại nhà ở | | | |
|------------------|--------------------------|---------------|---------------|-----------------|---------------|---------------|------------|
| | | Số nhà | Số người | Kiên cố | Bán kiên cố | Thiếu kiên cố | Đơn sơ |
| 1 | TT Hồ Xá | 3.757 | 13.204 | 1694 | 2006 | 51 | 5 |
| 2 | Xã Vĩnh Lâm | 1.573 | 5.141 | 574 | 708 | 284 | 7 |
| 3 | Xã Hiền Thành | 1.547 | 5.489 | 630 | 835 | 74 | 8 |
| 4 | Xã Vĩnh Tú | 992 | 3.346 | 397 | 556 | 29 | 11 |
| 5 | Xã Trung Nam | 1.692 | 5.745 | 677 | 778 | 228 | 9 |
| 6 | Xã Kim Thạch | 1.702 | 5.627 | 681 | 936 | 77 | 8 |
| 7 | Xã Vĩnh Sơn | 1.805 | 6.043 | 722 | 1029 | 47 | 7 |
| 8 | Xã Vĩnh Thủy | 1.838 | 5.856 | 735 | 1057 | 38 | 8 |
| 9 | Xã Vĩnh Chấp | 1.359 | 4.443 | 544 | 775 | 31 | 10 |
| 10 | Xã Vĩnh Thái | 893 | 2.791 | 357 | 464 | 57 | 14 |
| 11 | Xã Vĩnh Hòa | 1.107 | 3.710 | 443 | 609 | 48 | 7 |
| 12 | Xã Vĩnh Long | 1.739 | 5.879 | 696 | 991 | 47 | 5 |
| 13 | Xã Vĩnh Giang | 1.415 | 4.634 | 566 | 807 | 39 | 3 |
| 14 | TT Cửa Tùng | 2.573 | 8.852 | 1029 | 1472 | 69 | 3 |
| 15 | Xã Vĩnh Ô | 381 | 1.211 | 38 | 267 | 20 | 56 |
| 16 | Xã Vĩnh Khê | 326 | 964 | 65 | 196 | 19 | 46 |
| 17 | Xã Vĩnh Hà | 553 | 1.749 | 221 | 277 | 17 | 38 |
| 18 | TT Bến Quan | 1.049 | 4.090 | 420 | 587 | 31 | 11 |
| TỔNG CỘNG | | | 88.474 | 10.488 | 14.349 | 1.206 | 258 |

Lưu ý: Theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT thì:

1. Nhà kiên cố là nhà có cả 3 kết cấu chính (cột, mái, tường) đều được làm bằng vật liệu bền chắc.

2. Nhà bán kiên cố là nhà có 2 trong 3 kết cấu chính được làm bằng vật liệu bền chắc.

3. Nhà thiếu kiên cố là nhà chỉ có một trong 3 kết cấu chính được làm bằng vật liệu bền chắc.

4. Nhà đơn sơ là những nhà có cả ba kết cấu chính được làm bằng vật liệu không bền chắc.

5. Vật liệu bền chắc là những vật liệu gồm bê tông cốt thép, gạch, đá, sắt, thép, gỗ bền chắc.

PHỤ LỤC 2**Thống kê các loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn từ năm 2010-2022****1. Về bão, áp thấp nhiệt đới**

| Năm | Tên bão | Thời gian/phạm vi ảnh hưởng | Cấp bão | Tình trạng dễ bị tổn thương | | |
|------|--------------------|--|-------------------------|-----------------------------|----|-----|
| | | | | Thấp | TB | Cao |
| 2011 | Bão số 4 | 21/9-30/9/201; ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 6, giạt cấp 7- 8 | | x | |
| 2013 | Bão số 8 | 16-18/9/2013: ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 8 | | x | |
| 2013 | Bão số 10 (Wutip) | 26/9-30/9/2013: ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 10, 11, giạt cấp 12 | | | x |
| 2013 | Bão số 11 (Nari) | 12-15/10/2013; ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 8, 9; giạt cấp 10 | | | x |
| 2017 | Bão số 04 (Son Ca) | 21/7-26/7/2017; ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 7, giạt cấp 10 | | x | |
| 2018 | ATNĐ | 21/7-24/7/2018; ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 6, giạt cấp 8 | | x | |
| 2019 | Bão số 4 (Podul) | 28/8-30/8/2019; ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 9, giạt cấp 10 | | x | |
| 2019 | ATNĐ | 01/9-04/9/2019; ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 6, 7, giạt cấp 8 | | x | |
| 2019 | Bão số 5 (Matmo) | 28/10-31/10/2019: ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 6, giạt cấp 8 | | x | |
| 2020 | Bão số 5 (Noul) | 15-18/9/2020: ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 8, 9; giạt cấp 10 | | | x |
| 2020 | Bão số 9 (Molave) | 26-28/10/2020: ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 8, 9; giạt cấp 10 | | x | |
| 2020 | Bão số 13 (Vamco) | 12-15/11/2020; ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 8-9, giạt cấp 11 | | | x |
| 2021 | Bão số 5 (Conson) | 10-13/9/2021; ảnh hưởng toàn huyện | Gây mưa lớn, ngập lụt | | x | |
| 2022 | Bão số 4 (Noru) | 26-28/9/2022; ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 7-8, giạt cấp 9 | x | | |

| Năm | Tên bão | Thời gian/phạm vi ảnh hưởng | Cấp bão | Tình trạng dễ bị tổn thương | | |
|------|------------------|-------------------------------------|---------------------|-----------------------------|----|-----|
| | | | | Thấp | TB | Cao |
| 2022 | Bão số 5 (Sonca) | 12-15/10/2022; ảnh hưởng toàn huyện | Cấp 5-6, giật cấp 8 | x | | |

2. Về lũ lụt

| TT | Năm | Thời gian lũ | Lượng mưa (mm) | Tình trạng dễ bị tổn thương | | |
|----|------|--|------------------------|-----------------------------|----|-----|
| | | | | Thấp | TB | Cao |
| 5 | 2010 | ngày 29/9-06/10 | 600 - 700 | | | x |
| 6 | 2011 | ngày 14 - 18/10 | 500 - 600 | | | x |
| 7 | 2012 | ngày 06 - 08/10 | 150 - 250 | x | | |
| 8 | 2013 | ngày 16 - 21/9 ngày 05 - 10/11 | 350 - 500 150 - 250 | | x | |
| 9 | 2015 | ngày 13 - 15/9 | 100 - 250 | | x | |
| 11 | 2016 | ngày 31/10 - 03/11 | 200 - 537 | | | x |
| 12 | 2017 | ngày 21 - 26/7 ngày 14 - 15/9 | 200 - 300 200 - 300 | | x | |
| 13 | 2018 | ngày 08 -12/12 | 450 - 840 | | x | |
| 14 | 2019 | ngày 02 - 05/9 | 240 - 370 | | x | |
| 15 | 2020 | Đợt mưa lũ kéo dài từ 06-21/10 (toàn tỉnh xuất hiện 4 đợt lũ liên tục - lũ chồng lũ) | 1.500-2.500 | | | x |
| 16 | 2021 | ngày 16-19/10 | 420 - 450 | | | x |
| 17 | 2022 | ngày 31/3 - 02/4 | 100 - 300 | | x | |

PHỤ LỤC 3
Thống kê thiệt hại do thiên tai gây ra từ năm 2012 đến năm 2022

| TT | Năm | Thiệt hại | | | Ghi chú |
|----|------|-----------|-----------|----------------------------|---|
| | | Về người | | Về kinh tế (Triệu đồng) | |
| | | Chết | Bị thương | | |
| 1 | 2012 | 03 | 01 | 9.000 | 02 người chết do sét và 01 người do mưa lũ |
| 2 | 2013 | 01 | 23 | 1.993.000 | 01 người chết do bão số 10 |
| 3 | 2014 | 01 | | | 01 người chết do sét |
| 4 | 2015 | | | 103 | |
| 5 | 2016 | 01 | | 50.000 | 01 người chết do đợt lũ ngày 14/10/2016 |
| 6 | 2017 | | 06 | | |
| 7 | 2018 | | 01 | 85.000 | |
| 8 | 2019 | | | 19.061 | |
| 9 | 2020 | 02 | 05 | 404.824 | 02 người chết do đợt mưa lũ trong tháng 10/2020 |
| 10 | 2021 | | | 14.727 | |
| 11 | 2022 | | 02 | 53.667,3 | |

PHỤ LỤC 4
Các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Vĩnh Linh

Phụ lục 4.1: Danh mục các đập, hồ chứa nước giao cho UBND các xã, thị trấn quản lý

| Stt | Tên công trình | Địa điểm | Diện tích tưới thiết kế (ha) | | Dung tích chứa toàn bộ (triệu m ³) | Chiều cao đập lớn nhất H _{max} (m) | Đơn vị được giao quản lý | Ghi chú |
|----------|---|--------------|------------------------------|-----------------|--|---|--------------------------|---------|
| | | | Lúa | Hoa màu, cây CN | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| A | Hồ chứa nước | | | | | | | |
| I | Hồ trong danh mục Quyết định 2118/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị | | | | | | | |
| 1 | Tràm Trên | Xã Trung Nam | 16 | 18 | 0,38 | 7,00 | UBND xã Trung Nam | |
| 2 | Hồ Hà | Xã Vĩnh Chấp | 40 | 5 | 0,36 | 8,00 | UBND xã Vĩnh Chấp | |
| 3 | Dục Đức | Xã Vĩnh Sơn | 20 | 3,2 | 0,35 | 6,45 | UBND xã Vĩnh Sơn | |
| 4 | Tràm Dưới | Xã Trung Nam | 20 | | 0,30 | 8,00 | UBND xã Trung Nam | |
| 5 | Khe Bùn | Xã Vĩnh Hà | 6 | | 0,30 | 6,00 | UBND xã Vĩnh Hà | |
| 6 | Thôn 4 | Xã Vĩnh Hà | | | 0,27 | 5,00 | UBND xã Vĩnh Hà | |
| 7 | Khóm 2 (Quyết Thắng 2) | TT Bến Quan | 6 | | 0,26 | 5,89 | UBND thị trấn Bến Quan | |
| 8 | Hồ Trầm | Xã Vĩnh Chấp | 19 | | 0,24 | 5,61 | UBND xã Vĩnh Chấp | |
| 9 | Trầm Trươi | Xã Vĩnh Chấp | 20 | | 0,21 | 7,00 | UBND xã Vĩnh Chấp | |
| 10 | Cựa An | Xã Trung Nam | 35 | | 0,21 | 6,00 | UBND xã Trung Nam | |
| 11 | Khe Ná | Xã Vĩnh Hòa | 45 | | 0,20 | 5,27 | UBND xã Vĩnh Hòa | |
| 12 | Quyết Thắng 1 | TT Bến Quan | 5 | | 0,20 | 5,00 | UBND TT Bến Quan | |
| 13 | Thôn 5 (Trộ Đó) | Xã Vĩnh Hà | | | 0,20 | 7,00 | UBND xã Vĩnh Hà | |
| 14 | Khe Đá | Xã Trung Nam | 95 | | 0,18 | 4,50 | UBND xã Trung Nam | |
| 15 | Xung Phong | Xã Vĩnh Khê | 4 | | 0,12 | 5,00 | UBND xã Vĩnh Khê | |

| | | | | | | | | |
|-----------|--|---------------|------|-----|------|------|--------------------|--------------------------------------|
| 16 | Mộc Mạc | Xã Vĩnh Hà | 12 | | 0,12 | 4,00 | UBND xã Vĩnh Hà | |
| 17 | Tai Voi | Xã Vĩnh Cháp | 40 | 5 | 0,09 | 4,00 | UBND xã Vĩnh Cháp | |
| 18 | Động Vong | Xã Vĩnh Hà | 10 | | 0,08 | 5,00 | UBND xã Vĩnh Hà | |
| 19 | Cổ Kiềng II | Xã Vĩnh Khê | 8 | | 0,07 | 5,08 | UBND xã Vĩnh Khê | |
| 20 | Xung Phong | Xã Vĩnh Hà | 7 | | 0,07 | 5,00 | UBND xã Vĩnh Hà | |
| 21 | Hồ Bội | Xã Vĩnh Cháp | 30 | | 0,07 | 3,00 | UBND xã Vĩnh Cháp | |
| 22 | Cổ Kiềng I | Xã Vĩnh Khê | 5 | | 0,07 | 5,00 | UBND xã Vĩnh Khê | |
| 23 | Khe Cáy | Xã Vĩnh Cháp | 30 | | 0,06 | 5,00 | UBND xã Vĩnh Cháp | |
| 24 | Lòi Bậy | Xã Vĩnh Cháp | 11,5 | | 0,06 | 5,00 | UBND xã Vĩnh Cháp | |
| 25 | Chụt Tịnh | Xã Vĩnh Cháp | 5 | | 0,06 | 3,00 | UBND xã Vĩnh Cháp | |
| 26 | Nhà Trợn | Xã Trung Nam | 15 | | 0,05 | 5,00 | UBND xã Trung Nam | |
| II | Hồ nhỏ không có trong danh mục Quyết định 2118/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị | | | | | | | |
| 1 | Hồ Eo | Xã Vĩnh Cháp | 6,7 | | 0,02 | 2,50 | UBND xã Vĩnh Cháp | Hồ quá nhỏ theo NĐ114 |
| 2 | Khe Vọng | Xã Vĩnh Thủy | 20 | | 0,04 | 3,00 | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 3 | Thanh Niên | Xã Vĩnh Tú | 42 | | 0,03 | 2,50 | UBND xã Vĩnh Tú | |
| 4 | Mội Sao | Xã Hiền Thành | 39,5 | | 0,03 | 3,00 | UBND xã Hiền Thành | |
| 5 | Khe Lương | Xã Vĩnh Khê | 10 | | 0,05 | | UBND xã Vĩnh Khê | |
| 6 | Khe Tắm | Xã Kim Thạch | 5 | 1,5 | 0,02 | 6,00 | UBND xã Kim Thạch | Hồ khác có nhiệm vụ cấp nước tưới |
| 7 | Bàu Cồn | Xã Hiền Thành | 35 | | 0,02 | 2,00 | UBND xã Hiền Thành | |
| 8 | Bàu Quan | Xã Trung Nam | 13 | | 0,03 | 3,00 | UBND xã Trung Nam | |
| 9 | Bàu Sen | Xã Vĩnh Thủy | 45 | | 0,02 | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 10 | Bàu Tú Hạp | Xã Vĩnh Tú | 30 | | 0,06 | 3,50 | UBND xã Vĩnh Tú | Hồ sinh thái |
| 11 | Bàu Trạng | Xã Vĩnh Tú | | | 0,03 | 1,50 | UBND xã Vĩnh Tú | |
| 12 | Bàu Thủy Ứ | Xã Vĩnh Tú | 40 | | 0,08 | | UBND xã Vĩnh Tú | |
| B | Đập dâng (không có trong danh mục Quyết định 2118/QĐ-UBND ngày 04/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị) | | | | | | | |
| 1 | Đập Dôn | Xã Kim Thạch | 10 | | | | UBND xã Kim Thạch | |
| 2 | Rùng Rùng | Xã Vĩnh Cháp | 25 | | | | UBND xã Vĩnh Cháp | |

| | | | | | | | | |
|----|----------------------------|--------------|------|--|--|--|-------------------|--|
| 3 | Lộ Cầu | Xã Vĩnh Thủy | 2 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 6 | Bến Tranh | Xã Vĩnh Thủy | 50 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 7 | Hồ Gõ | Xã Vĩnh Thủy | 9 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 8 | Trộ Trung | Xã Vĩnh Thủy | 5 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 9 | Sâu Đầu | Xã Vĩnh Thủy | 10 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 10 | Khe Khóa | Xã Vĩnh Thủy | 5 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 11 | Bàu Đo | Xã Vĩnh Thủy | 5 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 12 | Hồ 26/3 | Xã Vĩnh Thủy | 3 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 13 | Bàu Ông Soi | Xã Vĩnh Thủy | 3 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 14 | Cây Mã | Xã Vĩnh Thủy | 3 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 15 | Roọc Ao | Xã Vĩnh Thủy | 3 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 17 | Kiệt Cự | Xã Vĩnh Thủy | 2 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 16 | Bến Lái | Xã Vĩnh Thủy | 8 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 18 | Cống Bát | Xã Vĩnh Thủy | 3 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 19 | Choi Đàm | Xã Vĩnh Thủy | 1 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 20 | Bộ Đội | Xã Vĩnh Thủy | 2 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 21 | Đập Trầm | Xã Vĩnh Thủy | 5 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 22 | Đập Cửa Phường | Xã Vĩnh Thủy | 2 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 23 | Trộ Đệ | Xã Vĩnh Thủy | 15 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 24 | Choi Nan | Xã Vĩnh Thủy | 1 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 25 | Choi Hóp | Xã Vĩnh Thủy | 2 | | | | UBND xã Vĩnh Thủy | |
| 26 | Khe Ta Ngồi (Thôn Cây Tắm) | Xã Vĩnh Ô | 2,6 | | | | UBND xã Vĩnh Ô | |
| 27 | Khe Tắm (Thôn Cây Tắm) | Xã Vĩnh Ô | 3,76 | | | | UBND xã Vĩnh Ô | |
| 28 | Khe Thúc (thôn Thúc) | Xã Vĩnh Ô | 5,4 | | | | UBND xã Vĩnh Ô | |
| 29 | Khe Lư (thôn Lền) | Xã Vĩnh Ô | 4,5 | | | | UBND xã Vĩnh Ô | |
| 30 | Khe Pờ Ho (thôn Lền) | Xã Vĩnh Ô | 5,15 | | | | UBND xã Vĩnh Ô | |

| | | | | | | | | |
|----|--------------------------|---------------|-------|--|--|-----|--------------------|--|
| 31 | Khe Le (thôn Xà Lòi) | Xã Vĩnh Ô | 5,65 | | | | UBND xã Vĩnh Ô | |
| 32 | Khe A Tung (thôn Xà Lòi) | Xã Vĩnh Ô | 5,22 | | | | UBND xã Vĩnh Ô | |
| 33 | Khe Xà Nin (thôn Xà Nin) | Xã Vĩnh Ô | 3,02 | | | | UBND xã Vĩnh Ô | |
| 34 | Khe La Va (thôn Mít) | Xã Vĩnh Ô | 5,36 | | | | UBND xã Vĩnh Ô | |
| 35 | Lò Vôi | Xã Kim Thạch | 17,76 | | | 2 | UBND xã Kim Thạch | |
| 36 | Cửa Trường | Xã Kim Thạch | 2 | | | 2 | UBND xã Kim Thạch | |
| 37 | Thủy Nam | Xã Kim Thạch | 14,61 | | | 2 | UBND xã Kim Thạch | |
| 38 | Rú Ông | Xã Kim Thạch | 5 | | | 1 | UBND xã Kim Thạch | |
| 39 | Khe Ba | Xã Kim Thạch | 25 | | | | UBND xã Kim Thạch | |
| 40 | Động Nguồn | Xã Kim Thạch | 4 | | | | UBND xã Kim Thạch | |
| 41 | Sa Nhâm | Xã Kim Thạch | 20 | | | | UBND xã Kim Thạch | |
| 42 | Xóm Bọc | Xã Kim Thạch | 2 | | | 1,5 | UBND xã Kim Thạch | |
| 43 | Khe Cạn | Xã Kim Thạch | 3 | | | | UBND xã Kim Thạch | |
| 44 | Khe Nây | Xã Hiền Thành | 38 | | | | UBND xã Hiền Thành | |
| 45 | Bầu Chùa | Xã Vĩnh Long | 20 | | | | UBND xã Vĩnh Long | |
| 46 | Đập Lau | TT Cửa Tùng | 5 | | | | UBND TT Cửa Tùng | |

Phụ lục 4.2: Danh mục các trạm bơm giao cho UBND các xã, thị trấn quản lý

| Stt | Tên công trình | Địa điểm | Diện tích tưới thiết kế (Ha) | | Công suất | | Số lượng (cái) | Đơn vị được giao quản lý | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|---------------|------------------------------|-----------------|-----------------------|----------|----------------|--------------------------|---|
| | | | Lúa | Hoa màu, cây CN | Q (m ³ /h) | Nđc (KW) | | | |
| 1 | Trạm bơm Nam Hồ | TT Hồ Xá | 80 | | 900 | 33 | 1 | UBND TT Hồ Xá | QĐ 3147/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh |
| 2 | Trạm bơm Nam Phú (Lò Sra - Cồn Pháo) | Xã Trung Nam | 60 | | 1.152 | 22 | 1 | UBND xã Trung Nam | Tưới trực tiếp 40ha, bổ sung 20ha |
| 3 | Trạm bơm Di Loan | Xã Vĩnh Giang | 30 | | 540 | 11 | 1 | UBND xã Vĩnh Giang | Tiêu úng 30ha ĐX, tưới 8ha HT |

Phụ lục 4.3: Danh mục các cống ngăn mặn giao cho UBND các xã, thị trấn quản lý

| Stt | Tên công trình | Địa điểm | Kích thước (m) | Đơn vị được giao quản lý | Ghi chú |
|-----|----------------|---------------|----------------|--------------------------|---|
| 1 | Cống Ba Cửa | Xã Vĩnh Giang | | UBND xã Vĩnh Giang | QĐ 3147/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh |
| 2 | Cống Xuân Tùng | Xã Vĩnh Giang | | UBND xã Vĩnh Giang | |
| 3 | Cống Ngõ Ý | Xã Vĩnh Giang | | UBND xã Vĩnh Giang | |

Phụ lục 4.4: Danh mục các tuyến đê giao cho UBND các xã, thị trấn quản lý

| Stt | Tên công trình | Địa điểm | Loại đê | Chiều dài (km) | Đơn vị được giao quản lý | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--|-------------|----------------|---|---|
| 1 | Đê Vĩnh Thái | Xã Vĩnh Thái | Đê biển | 11,058 | UBND xã Vĩnh Thái | QĐ 2835/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh |
| 2 | Đê tả Bến Hải | Các xã: Vĩnh Giang, Hiền Thành, Vĩnh Sơn, Vĩnh Lâm | Đê cửa sông | 13,18 | Theo địa giới hành chính, UBND các xã: Vĩnh Giang, Hiền Thành, Vĩnh Sơn, Vĩnh Lâm | |
| 3 | Đê Bến Tám - Huỳnh Thượng | Xã Vĩnh Lâm | Đê bao | 0,32 | UBND xã Vĩnh Lâm | |

Phụ lục 4.5: Danh mục các tuyến kè giao cho UBND các xã, thị trấn quản lý

| Stt | Tên công trình | Địa điểm | Bờ tả, hữu tuyến sông | Loại kè | Chiều dài (km) | Đơn vị được giao quản lý | Ghi chú |
|-----|---|------------------------|-----------------------|---------|----------------|--|---|
| 1 | Kè bãi tắm Cửa Tùng | TT Cửa Tùng | | Kè biển | 0,60 | UBND TT Cửa Tùng | QĐ 2835/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh |
| 2 | Kè Hồ Xá (đoạn Cầu Điện - Trạm bơm Nam Hồ) | TT Hồ Xá, xã Vĩnh Long | Tả, hữu sông Hồ Xá | Kè sông | 3,80 | Theo địa giới hành chính: UBND xã Vĩnh Long, UBND TT Hồ Xá | |
| 3 | Kè Hồ Xá (đoạn hạ lưu Trạm bơm Nam Hồ - cầu Nam Bộ) | TT Hồ Xá | Tả, hữu sông Hồ Xá | Kè sông | 2,00 | UBND TT Hồ Xá | |
| 4 | Kè Huỳnh Thượng | Xã Vĩnh Sơn | Tả sông Bến Hải | Kè sông | 1,50 | UBND xã Vĩnh Sơn | |

PHỤ LỤC 5
CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2024-2025

| TT | Nội dung | Đơn vị thực hiện | Đơn vị phối hợp | Dự trù kinh phí (triệu đồng) | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----------|---|-------------------------------|--|------------------------------|---------------------|------------------------------|
| I | Biện pháp phi công trình | | | 3.340 | | |
| 1 | Quyết định kiện toàn BCH PCTT và TKCN huyện | UBND huyện | Các phòng, ban, đơn vị liên quan | | Hàng năm | |
| 2 | Quyết định phân công nhiệm vụ thành viên BCH PCTT và TKCN huyện | BCH PCTT&TKCN huyện | Các phòng, ban, đơn vị liên quan | | Hàng năm | |
| 3 | Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai | UBND huyện, UBND cấp xã | UBND xã, BCH PCTT&TKCN xã | | Hàng năm | |
| 4 | Kiện toàn tổ chức, bộ máy chỉ huy, chỉ đạo PCTT và TKCN cấp xã | UBND xã, BCH PCTT&TKCN xã | Các ban ngành, đoàn thể cấp xã | | Hàng năm | |
| 5 | Hỗ trợ thành lập, kiện toàn và phương tiện, trang thiết bị, công cụ và tập huấn cho đội xung kích PCTT cấp xã | UBND huyện, UBND cấp xã | UBND cấp xã, Đội xung kích PCTT cấp xã | 900 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW, Quỹ PCTT |
| 6 | Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác PCTT các cấp huyện, xã | UBND, BCH PCTT&TKCN huyện, xã | Các cơ quan cấp trên được mời phối hợp | 100 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW, Quỹ PCTT |
| 7 | Tuyên truyền; tổ chức truyền thông về công tác PCTT | UBND, BCH PCTT&TKCN huyện, xã | Các phòng, ban, đơn vị liên quan | 100 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW, Quỹ PCTT |
| 8 | Ứng dụng khoa học công nghệ và hiện đại hoá | UBND huyện, | Các phòng, ban, | 1.200 | 2024-2025 | NS huyện, |

| | | | | | | |
|-----------|---|--------------------------------------|---|---------------|-----------|------------------------------|
| | Văn phòng thường trực | UBND cấp xã | đơn vị liên quan | | | tỉnh, TW, Quỹ PCTT |
| 9 | Rà soát Kế hoạch PCTT hàng năm; Rà soát cập nhật phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai | UBND huyện, UBND cấp xã | Các phòng, ban, đơn vị liên quan | 40 | 2024 | NS huyện, tỉnh, TW, Quỹ PCTT |
| 10 | Xây dựng bản đồ ngập lụt huyện Vĩnh Linh tương ứng với các mức báo động lũ trên các sông | UBND, BCH PCTT&TKCN huyện | Các cơ quan, đơn vị liên quan | 1.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW, Quỹ PCTT |
| II | Biện pháp công trình (Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình PCTT, công trình thủy lợi) | | | 66.100 | | |
| 1 | Xây dựng và nhân rộng mô hình nhà cộng đồng đa năng giúp người dân phòng tránh bão và lũ lụt | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 10.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 2 | Đầu tư, nâng cấp các công trình giao thông kết hợp PCTT | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 10.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 3 | Đầu tư xây dựng các công trình tiêu thoát nước cho các khu dân cư tập trung | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 5.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 4 | Nâng cấp, sửa chữa các công trình nước sinh hoạt các xã trên địa bàn huyện Vĩnh Linh | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 3.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 5 | Chương trình trồng và bảo vệ rừng phòng hộ | UBND huyện, UBND cấp xã | BQL rừng phòng hộ LV sông Bến Hải | 2.000 | 2024-2025 | NS xã, huyện, tỉnh, TW |
| 6 | Nâng cấp, sửa chữa hồ Eo, xã Vĩnh Chấp | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 2.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |

| | | | | | | |
|----|---|--------------------------------------|---|-------|-----------|--------------------|
| 7 | Nâng cấp, sửa chữa hồ Nhà Trợn, xã Trung Nam | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 2.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 8 | Nâng cấp, sửa chữa hồ Khe Đá, xã Trung Nam | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 2.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 9 | Nâng cấp, sửa chữa đập Khe Cáy, Tai Voi, Rừng Rừng, xã Vĩnh Chấp | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 9.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 10 | Nâng cấp, sửa chữa đập Khe Nây và hệ thống kênh chính | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 2.500 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 11 | Nâng cấp, sửa chữa cống Ruộng Hộ và hệ thống kênh chính, xã Trung Nam | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 1.500 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 12 | Sửa chữa cầu Giữa, thôn Trường Kỳ, xã Vĩnh Tú | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 1.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 13 | Xây dựng cầu giao thông thôn Minh Phước xã Vĩnh Sơn | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 1.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 14 | Xây dựng cầu qua kênh tại thôn Tiên Lai, Duy Viên xã Vĩnh Lâm | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 1.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 15 | Xây dựng cầu khe Trộ Nước, thôn Tân Thủy, xã Vĩnh Thủy | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 1.500 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 16 | Kè chống sạt lở bờ sông Sa Lung đoạn qua xã Vĩnh Long, Vĩnh Lâm | UBND huyện, BQLDA PTQĐ | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, | 5.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |

| | | | | | | |
|----|---|--------------------------------------|---|-------|-----------|--------------------|
| | | &CCN, DL biển | UBND cấp xã | | | |
| 17 | Khắc phục kênh mương tưới tiêu nội đồng Cổ Mỹ xã Vĩnh Giang | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 1.500 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 18 | Khắc phục kênh chính đập Thanh Niên, Ruộng Hộ, thôn Huỳnh Công Tây, xã Vĩnh Tú | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 2.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 19 | Kè chống sạt lở kênh tưới tiêu đoạn qua thôn Tân Định xã Vĩnh Chấp | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 1.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 20 | Nâng cấp đê Vực Cát, xã Vĩnh Long | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 1.100 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |
| 21 | Khắc phục kênh mương tưới tiêu nội đồng Bắc Trầm Trươi thôn Lai Bình, Bình An, xã Vĩnh Chấp | UBND huyện, BQLDA PTQĐ &CCN, DL biển | Các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND cấp xã | 2.000 | 2024-2025 | NS huyện, tỉnh, TW |